

UBND XÃ THANH NỮA
TRƯỜNG TH THANH LUÔNG

Số: 75/QĐ-THTL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thanh Nưa, ngày 15 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

V/v Phê duyệt danh sách học sinh được hưởng chính sách hỗ trợ chi phí học tập, cấp bù, miễn giảm học phí theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP, ngày 03/9/2025 của Chính phủ từ tháng 9/2025 đến tháng 12/2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TH THANH LUÔNG

Căn cứ vào điều 11 Điều lệ trường tiểu học ban hành kèm theo thông tư 28/2020/TT- BGDDT, ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và đào tạo qui định chức năng quyền hạn của Hiệu trưởng trường tiểu học;

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/09/2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ vào Biên bản xét duyệt chế độ học sinh từ Tháng 9 – 12 Năm 2025 của Trường TH Thanh Luông;

Xét đề nghị bộ phận chuyên môn của nhà trường TH Thanh Luông.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách học sinh được hưởng chính sách hỗ trợ chi phí học tập, cấp bù, miễn giảm học phí theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/09/2025 của Chính phủ từ tháng 9/2025 đến tháng 12/2025 của trường TH Thanh Luông;

*** Hỗ trợ chi phí học tập**

- | | |
|---------------------|-----------------|
| - Tổng số học sinh: | 18 Học sinh |
| - Tổng kinh phí: | 10.800.000 đồng |

Tổng kinh phí hỗ trợ chi phí học tập : **10.800.000 đồng; Bằng chữ: Mười triệu tám trăm nghìn đồng chẵn.**

(Có biểu danh sách chi tiết kèm theo).

Điều 2. Giao Bộ phận kế toán nhà trường phối hợp cùng với GVCN các lớp tổ chức chi trả chế độ hỗ trợ cho học sinh và thanh quyết toán nguồn kinh phí theo qui định hiện hành của Nhà nước;

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Kho bạc Nhà nước Khu vực X, Phòng kinh tế xã Thanh Nưa, Bộ phận Kế toán nhà trường và các GVCN có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- KBNN Khu vực X;
- Phòng KT xã Thanh Nưa;
- Bộ phận Kế toán;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Kim Dung

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ THANH NÚA
TRƯỜNG TIỂU HỌC THANH LUÔNG

DANH SÁCH PHÊ DUYỆT HỌC SINH ĐƯỢC HỖ TRỢ TIỀN CHI PHÍ HỌC TẬP THEO NĐ 238/2025/NĐ - CP NGÀY 03/09/2025 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH
PHỦ TỪ THÁNG 09 ĐẾN HẾT THÁNG 12 NĂM 2025

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đối tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ (Đồng)
		Nam	Nữ								
1	Vì Thị Hương Giang		2019	1A4	Thái	Vì Thị Phong	Xã Thanh Nua - Điện Biên	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
2	Lường Thị Thu Thủy		2019	1A4	Thái	Lò Thị Tiên	Bản Hua Pe - Thanh Nua	Khoản 4.Điều 17NĐ 238	150.000	4	600.000
3	Lò Thị Kim Lan		2018	2A1	Thái	Lò Thị Thanh	Bản Nghiu - Thanh Luông	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
4	Lù Văn Cường	2018		2A2	Thái	Vì Thị Tiến	Bản Pe Nội - Thanh Luông	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
5	Nguyễn Ngọc Anh Huy	2018		2A2	Kinh	Nguyễn Ngọc Phong	Thôn Thanh Bình B - Thanh Luông	Khuyết tật	150.000	4	600.000
6	Quảng Hải Đăng	2018		2A4	Kơ mú	Quảng Văn Hạc	Bản Hua Pe - Thanh Luông	Khoản 4.Điều 17NĐ 238	150.000	4	600.000
7	Quảng Văn Bảo	2018		2A4	Kơ mú	Quảng Thị Dương	Bản Hua Pe - Thanh Luông	Khoản 4.Điều 17NĐ 238	150.000	4	600.000
8	Lường Khánh Đạt	2017		3A1	Kơ mú	Lường Văn Tuấn	Bản Hua Pe - Thanh Luông	Khoản 4.Điều 17NĐ 238	150.000	4	600.000
9	Lường Quỳnh Nga		2017	3A3	Kơ mú	Quảng Thị Nam	Bản Hua Pe - Thanh Luông	Khoản 4.Điều 17NĐ 238	150.000	4	600.000
10	Lò Thị Khánh Lê		2017	3A3	Kơ mú	Lò Thị Tiên	Bản Hua Pe - Thanh Luông	Khoản 4.Điều 17NĐ 238	150.000	4	600.000
11	Quảng Thị Yến Nhi		2016	4A1	Kơ mú	Lò Thị Hà	Bản Hua Pe - Thanh Luông	Khoản 4.Điều 17NĐ 238	150.000	4	600.000
12	Lù Thị Khánh		2016	4A1	Thái	Vì Thị Tiến	Bản Pe Nội - Thanh Luông	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
13	Lường Tuấn Thành	2016		4A1	Thái	Lường Thị Chai	Bản Hua Pe - Thanh Luông	Khoản 4.Điều 17NĐ 238	150.000	4	600.000
14	Lò Việt Hà	2013		4A2	Thái	Lò Thị Diên	Bản Nghiu - Thanh Luông	Khuyết tật	150.000	4	600.000
15	Lò Đăng Khởi	2016		4A3	Thái	Lò Thị Hoa	Bản Nọng Tóng - Thanh Luông	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
16	Tòng Thị Phương Nhi		2016	4A3	Thái	Lò Thị Văn	Bản Hua Pe - Thanh Luông	Khoản 4.Điều 17NĐ 238	150.000	4	600.000
17	Lường Thị Khánh Nguyệt		2016	4A3	Kơ mú	Lường Văn Chính	Bản Hua Pe - Thanh Luông	Khoản 4.Điều 17NĐ 238	150.000	4	600.000
18	Lò Bảo Long	2015		5A2	Thái	Lò Thị Hinh	Bản Bánh - Thanh Luông	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
	Cộng										10.800.000

Số tiền viết bằng chữ: Mười triệu tám trăm nghìn đồng chẵn.

KẾ TOÁN



Hà Lâm Tuyền

